

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 347/2019/HC-PT

Ngày: 11 - 6 - 2019

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Hoàng Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 720/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất”

Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HC-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 373/2019/QĐ - PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: 196 T, khóm 8, P.5, Tp.C, tỉnh Cà Mau – Có mặt

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Số 02 H, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:

Ông Lê Văn M, Chức vụ: Phó chi cục trưởng Chi cục quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Văn M1, Chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:

- Ông Võ Thanh Bình (có mặt).

- Ông Hồ Song Toàn (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Văn M1, Chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sở Tài nguyên môi trường Tỉnh Cà Mau – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Hoàng B là người khởi kiện trong vụ án hành chính.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông Phan Hoàng B trình bày:

Năm 1997 ông được Sở địa chính tỉnh Cà Mau ký hợp đồng số 02/98/HĐ ngày 20/12/1997 về việc cho thuê đất.

Năm 1998 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 284,8m² thời hạn sử dụng 50 năm. Ông xây dựng nhà ở và khu vệ sinh công cộng vào năm 1996 sử dụng ổn định tại khóm 1, thị trấn T, huyện T.

Ngày 21/6/2001, Trưởng khóm 1 và Trưởng ban quản lý chợ thị trấn T lập biên bản về việc tạm mượn 04 căn nhà của ông mới xây dựng bằng 81m² để sắp xếp các hộ vào mua bán. Trong biên bản có ghi rõ nếu bị hư hao thì phải bồi thường và nếu quá thời hạn cho mượn trong một năm (25/8/2002) thì phải trả tiền thuê nhà theo giá thị trường, nhưng tiếp theo đó Ủy ban nhân dân thị trấn T lấy 81m² nhà của ông để cho nhiều người khác thuê kinh doanh đến nay.

Ngày 25/12/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ký Quyết định số 1705/QĐ-CTUB về việc thu hồi, điều chỉnh diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phan Hoàng B, diện tích thu hồi 163,62m². Tổng số tiền hỗ trợ hai lần là 72.480.000 đồng. Kết quả đo đạc tại bản vẽ của Trung tâm kỹ thuật –

Công nghệ, Quan trắc, Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 23/01/2017, đối chiếu lại với sơ đồ hiện trạng khu đất của ông Phan Hoàng B diện tích 284,8m² do Phòng địa chính huyện T lập ngày 17/10/2001 để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thu hồi đất đối với ông là sai toàn bộ vị trí đất.

Ông yêu cầu, khiếu nại, kiến nghị liên tiếp từ năm 2002 đến năm 2007, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trả lại 81m² do Trưởng khóm và Trưởng ban quản lý chợ mượn của ông tại biên bản ngày 21/6/2001.

Ngày 23/5/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ký Quyết định số 773/QĐ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Ông không đồng ý Quyết định trên, ông tiếp tục khiếu nại nhiều lần.

Ngày 05/5/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ký Công văn số 400/UBND-VP về việc trả lời đơn khiếu nại đối với ông B.

Ông xác định Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thu hồi đất của ông không đúng vị trí và không đúng thẩm quyền làm cho quyền lợi của ông bị thiệt hại.

Nay ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi, điều chỉnh diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phan Hoàng B, diện tích 163,62m² tại khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Hủy Quyết định số 773/QĐ ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết kiến nghị đối với ông Phan Hoàng B.

Hủy Công văn số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Phan Hoàng B.

Yêu cầu Tòa án công nhận 81m² nhà là quyền sở hữu của ông theo bản vẽ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ, Quan trắc, Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau lập ngày 23/11/2017, trích đo từ thửa số 33, tờ bản đồ địa số 37 thành lập năm 2001 tại khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 1.277.797.500 đồng. Lý do Ủy ban nhân dân huyện T cho là 81m² nhà của ông đã bồi thường rồi và giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý để cho thuê thu tiền từ ngày 21/6/2001 cho đến ngày 25/11/2017.

Theo văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình bày:

Ngày 25/12/2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 2001 thu hồi của ông Phan Hoàng B 163,62m² đất tại khóm 1 thị trấn T, huyện T.

Năm 2004 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành công văn 280/UB về việc hỗ trợ, bồi thường cho ông B số tiền 72.480.000 đồng và ông B đã nhận tiền xong.

Ông B có bản kiến nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, ngày 23/05/2007 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 773/QĐ ngày 23/5/2007 không chấp nhận bản kiến nghị của ông B.

Ông B tiếp tục gửi đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện T, ngày 05/05/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Công văn số 400/UBND-VP trả lời khiếu nại không chấp nhận yêu cầu ông B.

Nay phía người bị kiện đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thống nhất với trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của ông B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HC-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

1/ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B về việc đòi: Hủy Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi, điều chỉnh diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Phan Hoàng B, diện tích 163,62m² tại khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B về việc đòi:

Hủy Quyết định số 773/QĐ ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết bản kiến nghị của ông Phan Hoàng B.

Hủy Công văn số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời yêu cầu của ông Phan Hoàng B.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện lại nhiệm vụ công vụ như: Thanh lý hợp đồng cho thuê, di dời các hộ đang kinh doanh trong phần diện tích nhà của ông B 81,2m² và trả lại diện tích nhà 81,2m² cho ông B, trả cho ông B số tiền cho thuê nhà 81,2m² là 1.247.000.400 đồng và tính lãi suất 1.262.992.500 đồng.

3/ Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Hoàng B phải chịu 200.000đồng,

được khấu trừ số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0005720 ngày 07/4/2016 của Cục thi hành án dân sự huyện T, như vậy ông B đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/11/2018 ông Phan Hoàng B làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện trình bày các nội dung sau:

- Ông Phan Hoàng B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với nội dung khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện lại nhiệm vụ công vụ như: Thanh lý hợp đồng cho thuê, di dời các hộ đang kinh doanh trong phần diện tích nhà của ông B 81,2m² và trả lại diện tích nhà 81,2m² cho ông B, trả cho ông B số tiền cho thuê nhà 81,2m² là 1.247.000.400 đồng và tính lãi suất 1.262.992.500 đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông về việc tuyên hủy Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; Hủy Quyết định số 773/QĐ ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết bản kiến nghị của ông Phan Hoàng B; Hủy Công văn số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời yêu cầu của ông Phan Hoàng B.

Ông Phan Hoàng B trình bày tranh luận nêu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

- Quyết định số 25/QĐ-UB ngày 15/12/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Cho ông Phan Hoàng B thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình dịch vụ vệ sinh công cộng.

- Hợp đồng thuê đất số 2/98/HĐ-TĐ ngày 20/12/1997 có nội dung: Sở địa chính tỉnh Cà Mau cho ông Phan Hoàng B thuê diện tích đất 248,8m², sử dụng vào mục đích xây dựng công trình vệ sinh công cộng, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/12/1997, giá thuê 478.464đồng/năm, hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của Nhà nước.

- Quyết định số 94/QĐ-CTUB ngày 23/02/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan

Hoàng B, giấy số K.563194, thửa 208, tờ bản đồ số 8, thị trấn T, huyện T. Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ tỷ lệ 1/500 do Phòng địa chính huyện T xác lập ngày 15/7/1996.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1244/QSDD ngày 23/02/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Ông Phan Hoàng B được quyền sử dụng diện tích đất 248,8m² thửa 208 tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng: Xây dựng, thời hạn sử dụng 50 năm.

- Văn bản số 59/CV ngày 02/5/2001 của Sở địa chính tỉnh Cà Mau, có nội dung: Ông Phan Hoàng B được phép sửa chữa mở rộng nhà quản lý trong diện tích đã được Nhà nước cho thuê.

- Biên bản ngày 21/06/2001 về việc mượn tạm diện tích 95m² nhà của ông Phan Hoàng B, có nội dung: Trưởng Ban quản lý chợ thị trấn T và Trưởng khóm 1, thị trấn T mượn của ông Phan Hoàng B diện tích nhà mới xây dựng là 95m² để Ban quản lý chợ sắp xếp việc buôn bán của các hộ, nhưng ông B yêu cầu để lại 14m² để ông sử dụng, như vậy ông B chỉ cho mượn có 81, 2 m² gồm 4 ô nhà, kể cả vỉa hè và mặt trước căn nhà. Thời hạn mượn đến 25/8/2002, nếu quá hạn trên không trả thì tính tiền thuê theo giá thị trường, nếu nhà bị hư hao thì phải bồi thường.

- Văn bản số 131/CV-ĐC ngày 21/8/2001 của sở Địa chính tỉnh Cà Mau, có nội dung: Quá trình sửa chữa ông B phải thực hiện đúng theo quy hoạch của thị trấn T và để tận dụng diện tích 95m² đất đã xây dựng tạm vào mục đích kinh doanh, không được xây kiên cố hoặc mở rộng thêm 95m² đồng thời phải được sự cho phép của Ủy ban nhân dân huyện về giấy phép kinh doanh và phải nộp tiền thuê đầy đủ.

- Tờ trình số 145/TT-UB ngày 18/10/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Đề nghị thu hồi đất và giấy chứng nhận đất trên của ông Phan Hoàng B vì lý do vi phạm mục đích sử dụng đất.

- Báo cáo số 107/BS-ĐC ngày 24/10/2001 của Sở Địa chính tỉnh Cà Mau, có nội dung: Việc Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thu hồi đất của ông B là chưa đúng trình tự thu hồi theo Luật đất đai, không thấy có biên bản của cơ quan có thẩm quyền về hành vi sử dụng sai mục đích, việc thu hồi đất của ông B để giao cho ai và làm gì huyện chưa có hồ sơ thể hiện rõ quy hoạch. Đề nghị có sự kết hợp của cơ quan chức năng kiểm tra thực tế sử dụng đất nêu trên của ông B.

- Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện T theo văn bản số 145/TT-UB ngày 29/06/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định thu hồi một phần diện tích 163,62m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn T đối với ông Phan Hoàng B được giao theo quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15/12/1997, giao Ủy ban nhân dân huyện xác định mốc giới để thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cấp cho ông B theo QĐ số 94/QĐ-CTUB ngày 23/02/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Văn bản số 1738/UB ngày 15/8/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được đơn khiếu nại về thu hồi đất của ông B, nay Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết dứt điểm trường hợp khiếu nại của ông B.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 773/QĐ-UBND ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, có nội dung: Bác khiếu nại của ông B yêu cầu xem xét lại việc thu hồi đất.

- Văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T gửi ông Phan Hoàng B, có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu xét lại việc thu hồi đất, không chấp nhận việc bồi thường khi thu hồi đất, giao đất cho thu hồi trên cho Ủy ban nhân dân thị trấn T.

- Các giấy xác nhận ngày 12, 21, 22/3/2013 của ông Nguyễn Hồng Q là Trưởng khóm 1, thị trấn T, ông Nguyễn Văn N là Trưởng Ban quản lý chợ thị trấn T, ông Bùi Nam Tùng là cán bộ Phòng Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông huyện T, có nội dung: Trước đây các ông có lập biên bản đo đạc, kê biên, kiểm tra thực địa để tính bồi thường cho ông B, đối với phần diện tích nhà 81,6m² chưa được tính toán bồi thường.

- Sau khi có quyết định thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thì Ủy ban nhân dân huyện đã tiếp nhận thu hồi phần diện tích 81,6m² mà trước đây ông B cho Chợ thị trấn T mượn, và thu hồi thêm một phần diện tích trong số diện tích 163,62 theo quyết định thu hồi, hiện nay ông B chưa giao lại theo quyết định thu hồi là 71,55m²

Từ các chứng cứ nêu trên Người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Phía người bị kiện và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện có mặt tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo các đương sự không có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý và giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các chứng

cứ thu thập trong quá trình thu lý giải quyết vụ án để nhận định và phán xử là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện và một phần nội dung kháng cáo của ông B đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các nội dung khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm:* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phan Hoàng B xác định yêu cầu kiện đối với Quyết định thu hồi đất số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, ngoài ra ông B còn kiện đối quyết định giải quyết khiếu nại số 773/QĐ ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T, nên người bị kiện trong vụ án này còn có Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người bị kiện chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

- *Tại cấp phúc thẩm:* Phía người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính quyết định xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B thì vụ án có quan hệ tranh chấp về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất*”. Cụ thể là người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của ông Phan Hoàng B.

- Quyết định số 773/QĐ ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Hoàng B đối với quyết định thu hồi đất số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

- Văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời yêu cầu của ông Phan Hoàng B đối với việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, ông B còn yêu cầu buộc phía Ủy ban nhân dân huyện T trả lại diện tích nhà 81,2m² và số tiền mà phía Ủy ban đã cho thuê nhà 81,2m² là 1.247.000.400

đồng và tính lãi suất 1.262.992.500 đồng. Tuy vậy, yêu cầu này ông B đã rút lại tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 của Luật Tố tụng hành chính; Luật đất đai và Nghị định hướng dẫn áp dụng luật đất đai, Luật Khiếu nại, tố cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng các quan hệ tranh chấp trên và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại điều 30, điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Những căn cứ xác định nội dung vụ án:

Ông Phan Hoàng B được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho thuê diện tích 284,8m², giá thuê 478.464đồng/năm thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/12/1997, hai bên thỏa thuận sẽ giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của nhà nước và ông B đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định.

Nhận đất xong ông B có làm nhà vệ sinh công cộng, nhà quản lý và khuôn viên trên đất được giao, sau đó ông được Sở Địa chính chấp thuận cho xây dựng thêm 95m² trên phần đất này, vừa mới xây dựng xong thì phía Ban quản lý chợ và thị trấn có mượn của ông một phần với diện tích là 81,6m², thời hạn trả là ngày 25/8/2002, hai bên thỏa thuận nếu quá hạn trên không trả thì tính tiền thuê theo giá thị trường, nếu nhà bị hư hao thì phải bồi thường.

Sau khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng ông B sử dụng đất không đúng, nên Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quyết định thu hồi một phần diện tích đã cấp cho ông B là 163,62m².

Không đồng ý với quyết định thu hồi nên ông B khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, nhận được khiếu nại Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có văn bản giao cho Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết dứt điểm khiếu nại này của ông B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại bác đơn khiếu nại của ông B, sau đó Ủy ban nhân dân huyện T ban hành văn bản xác định việc giải quyết khiếu nại của ông B là đúng quy định pháp luật và giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn T phần đất thu hồi của ông B.

Do không thống nhất với các căn cứ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, nên các bên đương sự phát sinh tranh chấp.

[2.3] Việc ông Phan Hoàng B khởi kiện bổ sung đối với quyết định Quyết định số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của ông Phan Hoàng B vào ngày 07/3/2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điều 116 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết yêu cầu này, lý do đã hết thời hiệu khởi kiện là 1 năm kể từ ngày ông B nhận biết được quyết định thu hồi đất.

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo Điều 6 Luật Tố tụng hành chính quy định: *“Tòa án xem xét, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan trong vụ án hành chính.*

Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại văn bản hành chính, hành vi hành chính đó và trả lời kết quả cho Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Bên cạnh đó Điều 193 Luật tố tụng hành chính quy định:

“Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan”.

Đối chiếu với quy định nêu trên, thì quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của ông B có liên quan trực tiếp đến quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện, như quy định pháp luật đã viện dẫn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập các chứng cứ liên quan đến quyết định hành chính này là đúng quy định, tuy nhiên đã đình chỉ giải quyết đối với đối tượng này là chưa đúng, nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần này.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo về việc đề nghị hủy quyết định 1750/QĐ-CTUP ngày 25/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử nhận định: Theo điểm c khoản 3 Điều 23 Luật đất đai 1998 quy định về Thẩm quyền giao đất, thu hồi đất như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp có rừng để hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở; đất chuyên dùng này để sử dụng vào mục đích chuyên dùng khác hoặc để làm nhà ở; đất đô thị theo định mức do Chính phủ quy định.

Theo Điều 28 Luật đất đai 1998 quy định về Thẩm quyền thu hồi đất như sau: *Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó.*

Theo Điều 25 Luật đất đai 1998 quy định:

Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất quy định tại Điều 23 của Luật này không được uỷ quyền cho cấp dưới.

Theo Điều 26 Luật đất đai năm 1998 quy định về việc nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong những trường hợp sau đây:

Tổ chức sử dụng đất bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm nhu cầu sử dụng đất; cá nhân sử dụng đất đã chết mà không có người được quyền tiếp tục sử dụng đất đó.

Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao.

Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép.

Người sử dụng đất có ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đất sử dụng không đúng mục đích được giao.

Đất được giao không theo đúng thẩm quyền.

Đối chiếu với trường hợp thu hồi đất của ông B thì thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quyết định thu hồi đất là trái thẩm quyền được quy định tại Điều 28 Luật Đất đai 1998 như đã viện dẫn.

Về nội dung cho rằng ông B vi phạm mục đích sử dụng đất thì thấy, mục đích theo quyết định giao đất là xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho chợ thị trấn T, ông B đã thực hiện xây dựng nhà vệ sinh công cộng và nhà quản lý để phục vụ cho chợ, phần đất còn lại chưa sử dụng ông đã được Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau chấp thuận cho xây dựng nhà tạm và khuôn viên, phần này ông B xây dựng xong cũng bàn giao cho Ban quản lý chợ mượn để phục vụ cho hoạt động của chợ, theo văn bản của Sở Địa chính tỉnh Cà Mau thì hồ sơ thu hồi đất không thể hiện có biên bản xác định ông B có hành vi vi phạm về sử dụng đất sai mục đích và tại Tòa án cấp sơ thẩm phía Ủy ban nhân dân huyện cũng không cung cấp được những chứng cứ này.

Ngoài ra việc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao đất cho ông B là trên cơ sở hợp đồng thuê đất giữa ông B với Sở Địa chính tỉnh Cà Mau, khi hết hạn sử dụng đất hai bên phải giải quyết tài sản gắn liền với đất, nhưng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau lại không đề cập đến vấn đề này.

Do đó quyết định thu hồi đất nêu trên chưa đúng các căn cứ về nội dung và chưa hợp pháp về thẩm quyền ban hành, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông B về phần này.

[2.5] Xét đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 773/QĐ-UBND ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2001 của Ủy ban nhân dân huyện T:

Theo Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, như sau:

Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại.

Theo Điều 23 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, như sau:

Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại; quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Giải quyết khiếu nại mà Giám đốc sở hoặc cấp tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà nội dung thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Đối chiếu với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại của ông B thì thấy ông Phan Hoàng B khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành văn bản giao cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết dứt điểm khiếu nại của ông B, việc giao quyền này của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là không đúng với quy định pháp luật như đã viện dẫn.

Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 23/5/2007 bác khiếu nại của ông B là trái với thẩm quyền theo quy định tại Điều 20, Điều 23 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 như đã viện dẫn.

Sau khi nhận quyết định giải quyết khiếu nại ông B tiếp tục khiếu nại, yêu cầu xem xét lại thì Ủy ban nhân dân huyện T lại ban hành văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011, có nội dung trả lời cho ông B với nội dung vụ việc đã giải quyết xong, không chấp nhận việc bồi thường cho ông B và giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý diện tích đất thu hồi trên trong hạn 15 ngày, thực chất nội dung của văn bản này là giao đất, nhưng không phải bằng hình thức quyết định là trái với trình tự, thủ tục về giao đất, ngoài ra do quyết định thu hồi đất nêu trên không có căn cứ hợp pháp như đã phân tích, nên văn bản này cũng trái với quy định pháp luật.

Nên có cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B.

Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án hành chính đã chưa xem xét đầy đủ đến các căn cứ pháp lý và thực tế khách quan của vụ việc, để xác định tính có căn cứ và hợp pháp đối với quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại bị khởi kiện, và quyết định hành chính về thu hồi đất có liên quan đến quyết định bị khởi kiện, từ đó bác yêu cầu của người khởi kiện của ông B là chưa có cơ sở và thiếu tính thuyết phục, nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

[2.6] Đối với yêu cầu của ông B đòi phía Ủy ban nhân dân huyện T trả lại diện tích nhà 81,2m² và số tiền mà phía Ủy ban đã cho thuê nhà 81,2m² là 1.247.000.400 đồng và tính lãi suất 1.262.992.500 đồng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B rút yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Việc rút các yêu cầu trên của ông B là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật các đương sự khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm đối với phần quyết định của yêu cầu này của ông B.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên phía người bị kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện, nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hoàng B, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hoàng B.

2/ Hủy Quyết định thu hồi đất số 1705/QĐ-CTUB ngày 25/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 773/QĐ-UBND ngày 23/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, hủy Văn bản số 400/UBND-VP ngày 05/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T.

3/ Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của ông Phan Hoàng B, Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông B.

4/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu số tiền 200.000 đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T chịu số tiền 200.000 đồng. Ủy ban nhân dân huyện Văn Thờ chịu số tiền 200.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Hoàng B số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0005720 ngày 07/4/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông B không phải chịu, hoàn lại cho ông B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 00172 ngày 07/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (2);
- Lưu (3) 17b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên